

Bản án số 22/2021/HS-ST
Ngày 01 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân và bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tố Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/QĐXXST-HS ngày 17/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 44A, khu 12, phường Q Tr, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1954 và bà Đinh Thị L, sinh năm: 1956; có vợ là chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/9/2008, bị Ủy ban nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Ngày 02/12/2012, bị Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 06/12/2020, tạm giam từ ngày 06/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu 3, phường Y Gi, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Đoàn Thị Q, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Khu Điện Công 2, phường Tr V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 4, khu Cửa Ngăn, phường Ph Đ, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Vũ Mạnh L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 44A, khu 23, phường Q Tr, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Hà Hồng C, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 8, khu 8, phường V D, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Lê Văn H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Khu 3, phường Y Gi, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu Điện Công 2, phường Tr V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Ph Đ, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2020 đến ngày 29/9/2020, Nguyễn Thanh T thực hiện 02 vụ án, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Thanh T và Vũ Văn T (bạn T, trú tại khu 3, phường Q Y, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh) có mối quan hệ quen biết với chị Lê Thị H và anh Lê Văn H (anh trai chị H) ở khu 3, phường Y Gi, thị xã Quảng Yên. Ngày 13/9/2020, T đến nhà chị H, anh H chơi. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T mượn xe mô tô Honda SH biển kiểm soát (BKS) 14X1-380.48 của anh H đón T từ thành phố Uông Bí đến nhà chị H, anh H chơi. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, T nhờ T đưa T đến thành phố Uông Bí. T mượn chị H chiếc xe mô tô Honda SH của anh H (anh H đi vắng nên giao chị H quản lý chiếc xe mô tô này) để chở T đi, chị H đồng ý. Trên đường đi, T và T nảy sinh ý muốn chơi game qua mạng Internet, nên cả hai điều khiển xe mô tô đến đón Lưu Văn T (bạn của T và T) ở tổ 23, khu Phú Thanh Đông, phường Y Th, thành phố Uông Bí đi chơi cùng. Rạng sáng ngày 14/9/2020, do thiếu tiền để nạp thẻ game nên T nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô Honda SH BKS 14X1-380.48 để lấy tiền tiêu. T điều khiển chiếc xe mô tô trên chở T đến nhà anh Vũ Mạnh L ở tổ 44, khu 12, phường Q Tr, thành phố Uông Bí cầm cố lấy 23.000.000 đồng. Số tiền này T sử dụng vào việc chơi game và ăn tiêu hết. Ngày 15/9/2020, T đến gặp anh L hỏi vay thêm tiền, anh L từ chối và điều khiển chiếc xe mô tô Honda SH BKS 14X1-380.48 dẫn T đến gặp anh Hà Hồng C (bạn của anh L) ở phường Q Tr, để T đứng ra cầm cố chiếc xe trên cho anh C được 35.000.000 đồng, T trả anh L 23.000.000 đồng, còn 12.000.000 đồng T ăn tiêu cá nhân hết. Chị H không thấy T trả xe đã liên lạc với T thì T nói xe của chị T đang đi. Chị H liên lạc với T yêu cầu trả xe thì T nói đã cầm cố cho anh C. Ngày 30/10/2020, chị H đã đến gặp anh C chuộc lại chiếc xe mô tô trên với giá 41.000.000 đồng, sau đó chị H đến cơ quan công an trình báo.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 29/9/2020, Nguyễn Thanh T đến khu vực đài tưởng niệm phường Q Tr, thành phố Uông Bí thì gặp chị Đoàn Thị Q (bạn của T) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 14Y1-201.55. T hỏi mượn xe mô tô của chị Q để đi đón bạn, chị Q đồng ý. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe mô tô đón anh Lưu Văn T (bạn T). Sau đó, T nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của chị Q để lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô chở T đến nhà

anh Đào Văn Đ ở khu vực Trung tâm chế tạo máy phường Ph N, thành phố Uông Bí, cầm cố lấy 5.000.000 đồng. Số tiền trên T ăn tiêu hết. Ngày 06/10/2020, chị Q và anh Vũ Văn H (chồng chị Q) được anh Nguyễn Đăng H (bạn anh H) gọi điện thoại báo nhìn thấy xe mô tô của chị Q tại nhà anh Đ. Anh H, chị Q đến nhà anh Đ thì thấy xe mô tô của mình nên cùng anh Đ đem xe mô tô trên đến Công an thành phố Uông Bí trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2020 kết luận xe mô tô Honda SH BKS 14X1-380.48 xe cũ đã qua sử dụng vào thời điểm từ 09/11/2020 đến 15/11/2020 có giá **94.600.000 đồng**.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: Xe mô tô Honda Vision BKS 14Y1-201.55 tại thời điểm hiện tại có giá trị là **20.033.000 đồng**.

Sau khi phạm tội Nguyễn Thanh T bỏ trốn, ngày 03/12/2020 T bị bắt theo quyết định truy nã. Tại cơ quan điều tra, T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSUB ngày 25/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ đến 36 tháng đến 42 tháng tù giam về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/12/2020;

Căn cứ: khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 41.000.000 đồng, bồi thường cho anh Đào Văn Đ số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu và nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thấy ăn năn hối cải. Lời nói sau cùng bị cáo đã thấy ân hận về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại chị Lê Thị H, chị Đoàn Thị Q; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đào Văn Đ, anh Vũ Mạnh L, anh Hà Hồng C, anh Lê Văn H và những người làm chứng: anh Vũ Văn H, anh Nguyễn Đăng H đều có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh T đều thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo Nguyễn Thanh T khẳng định việc truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội; không oan, sai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào các ngày 14/9/2020 và 29/9/2020, tại khu 3, phường Y Gi, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và khu vực đài tưởng niệm phường Q Tr, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thanh T đã đem chiếc xe mô tô Honda SH BKS 14X1-380.48 trị giá **94.600.000 đồng**, do Vũ Văn T mượn của chị Lê Thị H, cầm cố cho anh Hà Hồng C được 35.000.000 đồng; mượn 01 chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 14Y1-201.55 trị giá **20.033.000 đồng** của chị Đoàn Thị Q, rồi đem đi cầm cố cho anh Đào Văn Đ được 5.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm cố xe, T đã chi tiêu cá nhân, không có khả năng trả lại tài sản. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là **114.633.000 đồng**. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”** quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh T sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ

vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng dù xem xét đến đâu cũng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe cải tạo, giáo dục bị cáo để thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị H có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 41.000.000 đồng là số tiền chị H trả anh Hà Hồng C để chuộc xe và anh Đào Văn Đ có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là số tiền anh Đ cầm cố xe mô tô cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H số tiền 41.000.000 đồng và đồng ý bồi thường cho anh Đ số tiền 5.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên bị cáo phải bồi thường số tiền này cho cho chị H và anh Đ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 14Y1-201.55, Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe và trả lại cho bị hại chị Đoàn Thị Q, chị Q không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đề cập.

- Đối với xe mô tô Honda SH BKS 14X1-380.48 của bị hại là chị H, chị H đã đến gặp anh C chuộc lại chiếc xe mô tô trên với giá 41.000.000 đồng nên không đề cập.

[6] Về các tình tiết khác trong vụ án:

- Đối với Vũ Văn T, Lưu Văn T, quá trình điều tra xác minh nhiều lần T, T vắng mặt tại địa phương, không đủ căn cứ chứng minh có liên quan đến hành vi cầm cố xe mô tô của T.

- Đối với các anh Vũ Mạnh L, Hà Hồng C, Đào Văn Đ không biết nguồn gốc xe mô tô do T phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: ***“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”***.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thanh T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 03/12/2020.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 3 Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 41.000.000 đồng (*Bốn mươi một triệu đồng*), anh Đào Văn Đ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.300.000 đồng (*Hai triệu, ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP.Ưông Bí;
- Công an TP.Ưông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Ưông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định